

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST

Ngày 18/5/2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Hà Văn Đông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Anh Tú.

Ông Lý Văn Huân.

- Thư ký phiên toà: Bà Vi Hải Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Trần Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lim Thị H**, sinh năm: 1990.

Trú tại: Bản BC, xã CH, huyện QC, tỉnh Nghệ An. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Vi Văn T**, sinh năm: 1989.

Trú tại: Bản T, xã CP, huyện QC, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lim Thị H trình bày:

Chị H và anh Vi Văn T đăng ký kết hôn với nhau theo quy định pháp luật vào ngày 05/02/2010 tại UBND xã CP, huyện QC, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình bố mẹ chồng tại bản T, xã CP, huyện QC, tỉnh Nghệ An, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do anh T không chịu khó làm ăn để chăm lo, vun vén hạnh phúc gia đình mà sa vào tệ nạn xã hội nghiện chất ma túy. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, sau khi sống ly thân chị H trở về nhà bố, mẹ đẻ ở bản BC, xã CH, huyện QC, tỉnh Nghệ An sinh sống, từ đó vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm và không có hạnh phúc, chị Lim Thị H viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị được ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau chị H và anh Vi Văn T có 01 người con chung tên là Vi Thị Diệu L, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2009, ngoài ra chị H không có con riêng và vợ chồng không nhận con nuôi. Sau khi vợ chồng sống

ly thân con chung ở cùng gia đình anh T tại bản T, xã CP, huyện QC, tỉnh Nghệ An. Trong thời gian anh T đi làm xa nhà con chung được mẹ đẻ của anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong nội dung đơn khởi kiện ban đầu chị H đề nghị, sau khi ly hôn giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nhưng do anh T không có mặt tại địa phương, đang đi làm xa, không rõ thời điểm trở về, do đó, chị H xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị sau khi giải quyết ly hôn giao con chung cho chị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng không có tranh chấp gì về tài sản chung, không vay nợ hoặc cho cá nhân, tổ chức nào vay nợ mình, nên chị Lim Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh Vi Văn T theo quy định, nhưng anh T không có mặt để tham gia giải quyết vụ án. Tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương được biết, sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án chính quyền địa phương đã trực tiếp đến tại nhà ở giao cho anh T, tuy nhiên do anh T không có mặt ở địa phương nên đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho mẹ đẻ của anh T là bà Lữ Thị T1 nhận hộ và cam kết giao lại, thông báo cho anh T được biết. Qua xác minh, lấy lời khai tại mẹ đẻ của anh T là bà Lữ Thị T1, mẹ của anh T cung cấp sự việc như sau, giữa chị H và anh T sống ly thân với nhau từ năm 2012 đến nay, sau khi vợ chồng ly thân anh T thường đi làm thuê xa nhà liên tục ở các tỉnh phía bắc, nhưng vẫn giữ liên lạc thường xuyên về gia đình, tuy nhiên anh T không cung cấp địa chỉ cụ thể nơi hiện nay mình đang làm việc, tạm trú nên bà T1 không biết, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án bà T1 đã gọi điện thoại liên lạc thông báo cho anh T biết sự việc chị H khởi kiện xin ly hôn và Tòa án triệu tập yêu cầu anh T trở về có mặt để giải quyết việc ly hôn nhưng anh T trả lời không về để giải quyết vụ việc được. Qua xác minh tại Công an xã CP, huyện QC được cung cấp thông tin anh Vi Văn T có hộ khẩu đăng ký thường trú tại bản T, xã CP, huyện QC, tỉnh Nghệ An, thường xuyên vắng mặt tại địa phương đi làm thuê, lúc đi anh T không làm thủ tục khai báo tạm vắng, cũng không làm thủ tục đăng ký tạm trú theo quy định tại nơi tạm trú mới nên không rõ địa chỉ nơi ở và làm việc hiện nay. Quá trình giải quyết vụ án và chuẩn bị xét xử, cán bộ Tòa án đã trực tiếp đến nhà ở tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định, tuy nhiên anh T vắng mặt thường xuyên tại địa phương nên việc tổng đạt trực tiếp không thực hiện được, Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không tổng đạt được các văn bản tố tụng và tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa: Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thủ tục tố tụng tiến hành tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cố tình trốn tránh, giấu địa chỉ và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án không có lý do, không chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định, đã được Tòa án niêm yết công khai các văn bản tố tụng, giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa xét

xử lần thứ hai không có lý do, do đó cần căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; 35; 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để xét xử.

Chấp nhận đơn khởi kiện để xét xử cho chị Lim Thị H được ly hôn với anh Vi Văn T.

Giao con chung Vi Thị Diệu L, sinh ngày 12/7/2009 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Vi Văn T, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lim Thị H có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Vi Văn T, đề nghị giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần tài sản chung của vợ chồng. Theo khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Bị đơn anh Vi Văn T có nơi đăng ký nhân khẩu thường trú tại bản T, xã CP, huyện QC, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có mặt tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được niêm yết thông báo các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai, quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến hay yêu cầu phản tố. Quá trình xác minh giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ, đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, nhưng bị đơn cố tình trốn tránh, giấu địa chỉ, không có mặt để tham gia giải quyết vụ án theo quy định, căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lim Thị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được giao chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ khoản 2 Điều 71 BLTTDS,

xét thấy yêu cầu của chị H không trái pháp luật, đúng quy định và phù hợp với thực tế nên cần chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ tình cảm: Hôn nhân giữa chị Lim Thị H và anh Vi Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hai bên chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T sa vào tệ nạn xã hội dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc, hai bên sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, trong suốt thời gian ly thân vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như không có nỗ lực gì để hàn gắn tình cảm, trong quá trình giải quyết vụ án chị H giữ nguyên ý kiến kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị Lim Thị H được ly hôn với anh Vi Văn T.

[2.2] Về con chung: Giữa chị H và anh T có 01 người con chung tên là Vi Thị Diệu L, sinh ngày 12/7/2009, ngoài ra hai bên không có con riêng cũng như nhận con nuôi. Tại đơn khởi kiện ban đầu chị H có ý kiến đề nghị giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng quá trình giải quyết vụ án, chị H thay đổi ý kiến yêu cầu giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc giao nuôi con chung chưa thành niên cần phải xem xét đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung được phát triển trong điều kiện tốt nhất theo mức sống tại địa phương nơi cư trú, đồng thời cũng xét đến khả năng của người được giao nuôi dưỡng con chung về điều kiện kinh tế, thu nhập, môi trường sống và thời gian gần gũi, chăm sóc con chung. Tiến hành ghi nhận ý kiến con chung mặc dù cháu Vi Thị Diệu L có nguyện vọng, mong muốn được ở cùng bố và bà nội sau khi bố mẹ ly hôn và trên thực tế qua xác minh hiện nay cháu L đang ở cùng bà nội (tức mẹ đẻ của anh T). Tuy nhiên trong quá trình giải quyết đến khi vụ án được đưa ra xét xử, bị đơn anh Vi Văn T không có mặt tại địa phương, không biết địa chỉ hiện đang cư trú, công việc, thu nhập thực tế và không rõ thời điểm có mặt tại địa phương. Theo quy định, nếu bố hoặc mẹ có đầy đủ năng lực, hành vi và điều kiện, khả năng nuôi con khi giải quyết ly hôn con chung được giao cho bố hoặc mẹ đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy bản thân chị H có nơi ở ổn định, đảm bảo điều kiện về sức khỏe, công việc, thu nhập và hiện đang sinh sống tại địa phương để có thể chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt nhất, do đó cần xem xét giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Vi Văn T là phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho con chung.

Theo quy định, sau này nếu có căn cứ cho rằng chị H không đủ điều kiện đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến 18 tuổi, trưởng thành thì hai bên có quyền thỏa thuận hoặc anh T có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi lại người nuôi con chung. Trong quá trình nuôi con các bên có quyền thỏa thuận với nhau về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nếu không thỏa thuận được thì bên trực tiếp nuôi con có

quyền làm đơn yêu cầu bên không trực tiếp nuôi thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Lim Thị H trình bày không có tranh chấp gì đối với phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[3] Về án phí: Buộc chị Lim Thị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Lim Thị H được ly hôn anh Vi Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Vi Thị Diệu L, sinh ngày 12/7/2009 cho chị Lim Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Vi Văn T. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lim Thị H chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST, được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006478 ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Châu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Phòng KTNV&THAHS TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Châu;
- UBND xã CP, huyện QC, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hà Văn Đông